

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BUƯ ĐIỆN
Năm báo cáo: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ BUƯ ĐIỆN**
- Tên giao dịch: **POSTEF**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100686865, đăng ký lần đầu ngày 07/6/2005, thay đổi lần thứ 11 ngày 08/04/2024.
- Vốn điều lệ hiện tại: 194.300.060.000 VND (Một trăm chín mươi tư tỷ, ba trăm triệu, không trăm sáu mươi nghìn đồng).
- Địa chỉ: số 61 Trần Phú, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.
- Số điện thoại: (024) 38455946 - (024) 37338404
- Số fax: (024) 38234128
- Website: www.postef.com.vn
- Mã cổ phiếu: **POT**

2. Quá trình hình thành và phát triển

2.1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập: Tiền thân của Công ty là Cơ xưởng Bưu điện Trung ương hình thành từ năm 1954 sau khi giải phóng Thủ đô, trực thuộc Tổng cục Bưu điện (Bưu điện Truyền thanh). Nhà máy Thiết bị Bưu điện được thành lập theo Quyết định số 202/QĐ/TCCB ngày 15/03/1993 của Tổng cục Trưởng Tổng cục Bưu điện, đến năm 1996 được thành lập lại theo Quyết định số 427/TCCB ngày 09/09/1996 trực thuộc Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam (nay là Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam – VNPT).

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chuyển đổi cổ phần hoá từ Nhà máy Thiết bị Bưu điện theo Quyết định số: 46/2004/QĐ-BBCVT ngày 15/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và chính thức hoạt động từ ngày 01/07/2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100686865 do Sở KH&ĐT Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/06/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 08/04/2024.

+ Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu của Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện được chính thức niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 20/12/2006, mã chứng khoán là: **POT**.



2.2. Quá trình phát triển:

+ Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) chính thức hoạt động từ 01/07/2005, trải qua hơn 16 năm chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước, Công ty đã có những kết quả đáng ghi nhận, tổng doanh thu qua các năm gần đây như sau:

TỔNG DOANH THU THỰC HIỆN QUA CÁC NĂM

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1.207,85	1.124,99	1.481,19	1.157,72	1.618,37

+ Với 03 Chi nhánh kinh doanh, 04 Nhà máy và 03 Công ty con (100% vốn của POSTEF đặt tại 3 miền, sản phẩm của Công ty được tiêu thụ trên địa bàn cả nước. Ngoài ra có một công ty liên kết tại Lào. Công ty luôn được đảm bảo về nguồn nguyên liệu đầu vào cả về số lượng và chất lượng từ các nhà cung cấp lớn. Hơn nữa là đơn vị hoạt động lâu năm trong ngành, có uy tín và mức tiêu thụ nguyên liệu lớn, Công ty luôn có thể mạnh trong việc tìm kiếm nhà cung cấp với mức giá ưu đãi thấp nhất, chất lượng hàng hoá và điều kiện giao hàng đảm bảo. Công ty luôn có chính sách dự trữ để ở mức độ phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo nguồn nguyên liệu trước biến động giá thị trường, loại trừ trường hợp giá nguyên liệu tăng đột biến.

+ Trong hoạt động quản trị và điều hành: Công ty luôn cập nhật và áp dụng những mô hình quản lý tối ưu phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Khi cần thiết Công ty chuyển đổi mô hình và cơ cấu cho phù hợp từng giai đoạn phát triển. Để hoàn thiện hệ thống quản lý chất lượng, Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phiên bản mới nhất ISO 9001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2015 (Cho nhà máy sản xuất accu); Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp OHSAS18001:2007 (Cho nhà máy sản xuất accu). Tất cả các sản phẩm của Công ty đều được hợp chuẩn theo tiêu chuẩn của Nhà nước, của ngành và tiêu chuẩn cơ sở. Công ty có hệ thống máy móc, trang thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đội ngũ CBCNV có trình độ kỹ thuật cao, 95% máy móc của Công ty là các máy CNC (các thiết bị vận hành có sự điều khiển bằng hoặc thông qua máy tính). Các sản phẩm của Công ty có 40% sản xuất theo công nghệ còn 60% là sản xuất theo đối tượng. Ngoài ra POSTEF luôn chú trọng nghiên cứu phát triển các đề tài, sản phẩm mới có hàm lượng công nghệ cao, có tính cạnh tranh, đáp ứng được yêu cầu của thị trường, làm chủ công nghệ sản xuất sản phẩm sợi quang, nghiên cứu phát triển công nghệ ắc quy Lithium, Tủ outdoor tích hợp Solar, năng lượng tái tạo, xây dựng tiêu chuẩn cho các thiết bị khai thác bưu chính, Loa thông minh, thiết bị tử viễn thông ngoài trời dùng cho trạm thu phát sóng di động mini, thử nghiệm một số sản phẩm hạ tầng mạng 5G tại VNPT như Thiết bị nguồn, Acquy outdoor, Thiết bị truyền dẫn cáp quang cho trạm 5G... đang nghiên cứu sản xuất sản phẩm cáp quang thế hệ mới. Trung tâm nghiên cứu phát triển (R&D) của Công ty và các Nhà máy có đội ngũ cán bộ trên 20 người có trình độ tay nghề cao, mỗi năm công ty đưa vào sản xuất nhiều sản phẩm mới. Bên cạnh đó công ty có 3 phân xưởng sản xuất khuôn mẫu, sản phẩm cơ khí laser và các thiết bị phụ trợ giúp đưa ra các mẫu mã sản phẩm mới mà không bị phụ thuộc vào nhà cung cấp hay gia công khác. Công ty có khả năng nhận gia công khuôn mẫu hoặc các sản phẩm cho các doanh nghiệp khác.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

3.1. Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm dịch vụ chính chiếm 10% tổng doanh thu trong hai năm gần đây nhất).

STT	Tên sản phẩm
1	Sản xuất, kinh doanh Sợi quang, cáp quang và dây thuê bao các loại
2	Sản xuất, kinh doanh ắc quy viễn thông và ắc quy dân dụng các loại
3	Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt nguồn viễn thông, Tủ outdoor, cảnh báo giám sát các loại
4	Sản xuất và kinh doanh antena các loại dùng trong viễn thông.
5	Sản xuất các thiết bị phục vụ cho mạng ngoại vi quang (Tủ hộp đấu nối, phụ kiện quang...)
6	Kinh doanh các loại thiết bị Gpon, truyền dẫn, swchich.
7	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cơ khí các loại
8	Sản xuất các loại sản phẩm buro chính

3.2. Địa bàn kinh doanh.

Tại các Viễn thông tỉnh thành, các Tổng công ty, Công ty phục vụ cho ngành Viễn thông trong cả nước Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

- + Đại hội đồng cổ đông
- + Hội đồng quản trị
- + Ban kiểm soát
- + Ban Tổng giám đốc điều hành

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông:

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của POSTEF, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ POSTEF quy định.

Hội đồng quản trị:

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh POSTEF để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của POSTEF, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Ban kiểm soát:

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám Đốc:

Công ty cổ Phần Thiết bị Bưu điện tính đến thời điểm 31/12/2024 được điều hành bởi Ban Tổng Giám đốc gồm có Tổng Giám đốc và 1 Phó tổng giám đốc. Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong Ban điều hành công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo Điều lệ Công ty quy định và theo quy định của quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Phó tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

4.3. Các công ty con, công ty liên kết

- **Công ty con:** Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là: công ty PDE)

Địa chỉ: số 63 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh nguồn, ắc quy các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng.

Vốn điều lệ thực góp: 32 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi hai tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty con:** Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình

Địa chỉ: số 61 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất điện mặt trời và bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 5 tỷ đồng (*Bằng chữ: Năm tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty con:** Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Đà Nẵng

Địa chỉ: số 396 - 398, đường 2 tháng 9, phường Hòa Cường, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh máy móc, thiết bị các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, sản xuất điện mặt trời và bán điện.

Vốn điều lệ thực góp: 30 tỷ đồng (*Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng*).

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty con: 100% vốn điều lệ

- **Công ty liên kết:** Công ty TNHH Liên doanh Lào - Việt (gọi tắt là: Công ty LVCC)

Địa chỉ: xã Khua Khaukath, huyện Kaysone Phomvihane, tỉnh Savannakhet, nước CHDCND Lào.

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: sản xuất, kinh doanh cáp đồng, cáp điện các loại trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghiệp, dân dụng, thiết bị phần mềm (IT).

Vốn điều lệ thực góp: 2.750.000 USD.

Tỷ lệ sở hữu của POSTEF tại công ty liên kết: 30%

5. Định hướng phát triển

Năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025. Tuy vậy, với tình hình kinh tế thế giới dự báo có nhiều biến động, chiến tranh thương mại giữa các nước lớn có nhiều nguy cơ xảy ra, tiềm ẩn nhiều rủi ro tác động lớn đến kinh tế các nước, chuỗi cung ứng và tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, nhiều chính sách mới được ban hành và có hiệu lực, dự báo nhiều loại chi phí sẽ tăng làm tác động, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động các doanh nghiệp. Dự báo còn nhiều khó khăn, thách thức, nhưng cũng mở ra nhiều cơ hội phát triển mới.

Trên cơ sở kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2024, với định hướng, chiến lược phát triển của Tập đoàn năm 2025 và các năm tiếp theo, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện xây dựng phương hướng nhiệm vụ năm 2025 như sau:

5.1. Mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch chung năm 2025:

Nỗ lực cố gắng phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2025 được Tập đoàn VNPT và ĐHCĐ thường niên năm 2025 giao.

5.2. Định hướng các nhiệm vụ và giải pháp:

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2024, đánh giá, phân tích, rút kinh nghiệm, định hướng phát triển và giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của Tập đoàn VNPT, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện sẽ thúc đẩy, đổi mới nhận thức, tư duy của tập thể lao động trong toàn công ty về định hướng phát triển trong giai đoạn mới, từng bước áp dụng công nghệ, mô hình quản trị hiện đại trong quản trị điều hành hoạt động SXKD, tiếp tục kiên trì, có giải pháp cụ thể để dịch chuyển theo chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT trong các mảng công việc, lĩnh vực về:

- (1) Nâng cao công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp.
- (2) Đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ. Cụ thể tiếp tục tối ưu hoá sản phẩm cốt lõi của công ty từ công nghệ đến chất lượng. Tập trung nguồn lực cho các sản phẩm đáp ứng hạ tầng viễn thông trong đó ưu tiên hạ tầng 5G và chuyển đổi số quốc gia.
- (3) Đổi mới công tác kinh doanh và phát triển thị trường. Tăng cường nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phát triển thị trường truyền thống và mở rộng và tăng doanh thu tại các thị trường tiềm năng như Viettel, EVN, FPT, CMC.
- (4) Đổi mới, nâng cao công tác quản trị về tài chính kế toán. Tối ưu nguồn lực, tối ưu sử dụng vốn, tối ưu cắt giảm các chi phí. Sử dụng nguồn lực thực sự hiệu quả. Cụ thể tăng cường công tác quản trị tài chính kế toán trên các lĩnh vực: dòng tiền, công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí tạm ứng, thanh quyết toán các dự án, tăng cường giám sát kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động kiểm tra.
- (5) Nâng cao công tác tổ chức, nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, thu hút trọng dụng nhân tài, mục tiêu ít nhất mỗi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của công ty phải có từ 1 đến 2 chuyên gia, sắp xếp theo hướng hiện đại, tinh giảm, linh hoạt và tối ưu việc sử dụng nguồn nhân lực.
- (6) Tăng cường, đẩy mạnh công tác lập kế hoạch, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nội địa hóa sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm.
- (7) Đầu tư máy móc thiết bị... đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và định hướng sản phẩm công nghệ mới.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH 2024/KH 2024 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm - BH và CCDV - DT hoạt động TC - TN khác Trong đó:	Đồng	1.321.000.000.000	1.618.372.119.969	122,51%
1.1	Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	876.000.000.000	899.000.000.000	102,63%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	12.670.000.000	3.359.281.176	26,51%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (Vốn CSH theo BCTC)	%	5,5%	1,09%	19,82%
4	Cổ tức	%	5%	1,3% (dự kiến)	26%
5	Thu nhập bình quân Người/tháng	Đồng	12.200.000	11.087.302	90,88%
6	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	49.759.811.854	67,98%
7	Lao động bình quân	Người	500	374	74,8%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban Tổng giám đốc, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết

T T	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần cá nhân sở hữu (Mã CK: POT)	Số cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết	Tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết
THỜI ĐIỂM ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024 (Chốt danh sách 31/01/2024)					
1	Nguyễn Tiến Hùng	TGD	23.391	23.391	0,120%
2	Trịnh An Huy	Phó TGD	0	0	0%
	Cộng		23.391	23.391	0,120%

2.2. Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc

Họ và tên: Nguyễn Tiến Hùng

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 12 tháng 08 năm 1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số căn cước : 001076015916
- Quê quán : Xóm 2, xã Yên Mỹ, huyện Thanh Trì, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : Số nhà 3, ngõ 89 đường Thanh Lân, Thanh Trì, Hoàng Mai, Hà Nội
- Điện thoại LH CQ : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 10/1997 – 12/2002 : Nhân viên Ban Nguồn - Ủy viên BCH Đoàn TNCSHCM Nhà máy Thiết bị Bưu điện;
- + Từ 01/2003 – 4/2004 : Phó quản đốc phân xưởng 7 - Nhà máy Thiết bị Bưu điện
- + Từ 5/2004 – 02/2008 : Phó quản đốc phân xưởng, phó chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (công ty con 100% vốn của POSTEF);
- + Từ 02/2008 – 3/2008 : Quản đốc phân xưởng Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
- + Từ 4/2008 – 4/2009 : Trưởng phòng kinh doanh - Trưởng phòng KH-KD -TH Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 5/2009 – 3/2015 : Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 4/2015 – 10/2017 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE);
- Từ 10/2017 đến 06/2019 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện - Tổng giám đốc Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (PDE)
- Từ 07/2019 đến 5/2020 : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT- Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần thiết bị Bưu điện
- Từ 06/2020 đến nay : Ủy viên BCH Đảng ủy Công ty CP Thiết Bị Bưu điện - Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện

- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2. Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **Trịnh An Huy**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 18/12/1969
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Số CMND : 011440123
- Quê quán : Định Tân - Yên Định - Tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Số 15, ngõ 9/20 phố Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: : 024.38455946
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Tiến sỹ kỹ thuật
- Lý luận chính trị : Cao cấp
- Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua)
- + Từ 10/2003 – 01/2008 : Cán bộ giảng dạy tại Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội
- + Từ 01/2006 - 01/2008 : Cán bộ Phòng Công nghiệp và Thương mại Đức tại Việt Nam
- + Từ 02/2008 – 5/2011 : Giám đốc Ban phát triển Đầu tư - Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam (PVI)
- + Từ 6/2011 – 4/2013 : Tổng giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Việt Xuân
- + Từ 6/2011 – 3/2015 : Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần PVI
- Từ 4/2015 – 3/2016 : Phó giám đốc Khối Hoạt động – Công ty cổ phần Quản lý Quỹ PVI
- Từ 10/2015 – 3/2016 : Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghệ sinh học – Dược phẩm ICA
- Từ 3/2016 – 3/2017 : Phó giám đốc Nhà máy 3 – Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Từ 4/2017 – 12/2020 : Giám đốc Nhà máy 3 – Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Từ 01/2021 đến nay : Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện
- Hành vi vi phạm pháp luật: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: không có

2.3. Những thay đổi trong Ban Tổng Giám đốc: Không có.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

a) Số lượng và cơ cấu lao động tại 31/12/2024

Stt	Nội dung	Số người	Tỷ lệ
1	Tổng số lao động	374	100%
2	Phân loại lao động theo trình độ:		
2.1	Trên đại học	12	3,21%
2.2	Đại học chính quy, ĐH Tại chức	97	25,94%
2.3	Cao đẳng, Trung cấp, Sơ cấp	91	24,33%
2.4	Công nhân kỹ thuật	174	46,52%

b) Chính sách đối với người lao động:

+ **Chế độ làm việc:** Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện luôn thực hiện đảm bảo tuân thủ các chế độ đối với người lao động trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật về lao động, Hợp đồng lao động và Thỏa ước lao động tập thể.

+ **Chính sách đào tạo:** Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm Công ty luôn thực hiện kết hợp đào tạo tại chỗ và cử cán bộ đi học tập, bồi huấn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong và ngoài nước.

+ **Chính sách tuyển dụng:** Hiện tại Công ty đang thực hiện áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm công tác về công tác lâu dài tại Công ty và tiếp tục tuyển dụng kỹ sư, cử nhân, công nhân kỹ thuật để bổ sung cho nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu định hướng phát triển của Công ty trong các năm tiếp theo.

+ **Chính sách lương, bảo hiểm, thưởng và phúc lợi:** Công ty luôn có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là đối với lao động có trình độ, kinh nghiệm, lao động có chuyên môn, nghiệp vụ làm việc lâu dài tại Công ty. Năm 2022, công ty đảm bảo ổn định thu nhập và thực hiện tốt chế độ chính sách về Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp và các phúc lợi khác cho người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2024, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ trước. Các dự án đầu tư của công ty tiếp tục được thực hiện một cách cẩn trọng, tuân thủ đúng quy định pháp luật hiện hành, đáp ứng hợp lý tiến độ, kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị thông qua, phù hợp trong tình hình thực tế.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

- Tóm tắt về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty TNHH Giải pháp Công nghệ Nguồn POSTEF (gọi tắt là Công ty PDE), Công ty TNHH Một Thành Viên POSTEF Ba Đình (gọi tắt là Công ty POSTEF Ba Đình) và Công ty TNHH MTV POSTEF Đà Nẵng (gọi tắt là Công ty POSTEF Đà Nẵng). Cả ba Công ty do Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện (POSTEF) sở hữu 100% vốn điều lệ:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024		
		Công ty PDE (đồng)	Công ty POSTEF Ba Đình (đồng)	Công ty POSTEF Đà Nẵng (đồng)
1	Doanh thu	320.125.661.003	56.183.489.759	96.479.058.804
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.829.864.580	158.419.200	2.493.722.036
3	Chi phí thuế TNDN hiện hành	486.080.944	47.789.235	602.063.921
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.343.783.636	110.629.965	1.891.658.115

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2023 (đồng)	Năm 2024 (đồng)	Tăng/giảm (%)
Tổng giá trị tài sản	2.281.565.023.890	2.539.858.692.859	+11,32%
Doanh thu thuần bán hàng và CCDV	1.157.718.483.295	1.618.372.119.969	+39,79%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.726.275.486	6.044.462.335	+62,21%
Lợi nhuận khác	6.476.930.123	2.620.102.083	-59,55%
Lợi nhuận trước thuế	10.203.205.609	8.664.564.418	-15,08%
Lợi nhuận sau thuế	2.613.478.462	3.359.281.176	+28,53%
Tỷ lệ trả cổ tức	1,0%	1,3% (dự kiến)	+30%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
1.1	Khả năng thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,06	1,11
1.2	Hệ số thanh toán nhanh:		

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
	(Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	0,72	0,80
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
2.1	Hệ số Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,86	0,88
2.2	Hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	6,33	7,27
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
	Tốc độ luân chuyển tài sản ngắn hạn (DT thuần/Tài sản ngắn hạn)	1,09	1,18
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
4.1	Tỷ suất LNST/Doanh thu thuần	0,2%	0,21%
4.2	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	0,11%	0,13%
4.3	Tỷ suất LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,84%	1,09%
4.4	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	1,35%	1,73%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/2024
1	Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Cổ phần	19.430.006
2	Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đủ	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
3	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phần	19.430.006
	Trong đó cổ phiếu phổ thông	Cổ phần	19.430.006
4	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	Đồng	10.000

5.2. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 31/01/2024)

a) Phân loại theo cổ đông nhà nước, cổ đông khác:

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ
1	Cổ đông Nhà nước	1	9.714.200	49,996%
2	Cổ đông khác	1.972	9.715.806	50,004%
	Cộng	1.973	19.430.006	100%

b) Phân loại theo tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ)

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)/Vốn điều lệ
1	Cổ đông lớn	3	14.295.972	73,58%
2	Cổ đông nhỏ	1.970	5.134.034	26,42%
	Cộng	1.973	19.430.006	100%

c) Phân loại theo cổ đông trong nước, cổ đông nước ngoài

Stt	Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%) /Vốn điều lệ
1	Cổ đông trong nước	1.957	19.420.801	99,952%
2	Cổ đông nước ngoài	16	9.205	0,048%
	Cộng	1.973	19.430.006	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không có đợt tăng vốn cổ phần nào trong năm.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm.

5.5. Chứng khoán khác:

Không có đợt phát hành chứng khoán trong năm.

-&-

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2024, bối cảnh thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, thiếu vững chắc. Các thách thức an ninh phi truyền thống: an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng... ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp, đa chiều đến phát triển của nhiều quốc gia. Ở trong nước, nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, độ mở lớn nhưng quy mô còn khiêm tốn, khả năng cạnh tranh, sức chống chịu trước các cú sốc bên ngoài còn hạn chế; đồng thời, phải dành thời gian, nguồn lực để khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại, tồn đọng kéo dài nhiều năm và giải quyết những vấn đề đột xuất, phát sinh.

Năm 2024 vẫn còn những hạn chế, bất cập cần tập trung, nỗ lực khắc phục, ổn định kinh tế vĩ mô tiềm ẩn rủi ro; áp lực lạm phát, các động lực tăng trưởng chưa bền vững. Sản xuất công nghiệp tuy chuyển biến tích cực nhưng còn phụ thuộc vào sự phục hồi của nền kinh tế và sức mua của thị trường; hoạt động sản xuất, kinh doanh, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế gặp khó khăn.

Trên cơ sở định hướng phát triển bền vững, mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, mặc dù trong năm 2024 còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, biến động, mức đầu tư cũng như quá trình triển khai các dự án đầu tư của ngành Viễn thông chậm, cùng với sự cạnh tranh khốc liệt giữa các nhà mạng, các nhà cung cấp vật tư, vật liệu, sản phẩm, hàng hoá của Trung Quốc,... ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm, công ăn việc làm của người lao động và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Tuy vậy, với sự đoàn kết, nhất trí, sự nỗ lực cố gắng, hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty vẫn đảm bảo ổn định, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024 (ĐHĐCĐ đã thông qua)	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH 2024/KH 2024 (%)
1	Tổng doanh thu hợp nhất gồm - BH và CCDV - DT hoạt động TC - TN khác Trong đó:	Đồng	1.321.000.000.000	1.618.372.119.969	122,51%
1.1	Doanh thu ngoài VNPT	Đồng	876.000.000.000	899.000.000.000	102,63%
2	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	Đồng	12.670.000.000	3.359.281.176	26,51%
3	Tỷ suất LNST/VCSH (Vốn CSH theo BCTC)	%	5,5%	1,09%	19,82%
4	Cổ tức	%	5%	1,3% (dự kiến)	26%
5	Thu nhập bình quân Người/tháng	Đồng	12.200.000	11.087.302	90,88%
6	Quỹ tiền lương	đồng	73.200.000.000	49.759.811.854	67,98%
7	Lao động bình quân	Người	500	374	74,8%

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2023	Tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.065.773,6	1.371.007,2	128,64%	+305.233,6
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	57.369,3	106.217,6	185,15%	+48.848,3
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.121,5	5.145,9	100,47%	+24,4
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	644.505,7	870.835,9	135,12%	+226.330,2
IV. Hàng tồn kho	347.366,2	380.841,5	109,64%	+33.475,3
V. Tài sản ngắn hạn khác	11.410,9	7.966,3	69,81%	-3.444,6
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	1.215.791,5	1.168.851,4	96,14%	-46.940,1

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2023	Tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
I. Các khoản phải thu dài hạn	25.237,7	28.822,2	114,20%	+3.584,5
II. Tài sản cố định	305.413,9	248.776,0	81,46%	-56.637,9
III. Bất động sản đầu tư	2.007,9	1.850,9	92,18%	-157,0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	818.703,3	824.077,4	100,66%	+5.374,1
V. Đầu tư tài chính dài hạn	13.578,9	13.578,9	100%	0
VI. Tài sản dài hạn khác	50.849,8	51.746,0	101,76%	+896,2
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.281.565,1	2.539.858,6	111,32%	+258.293,5

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2023	Tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1	2	3	4 = 3/2	5 = 3 - 2
A. NỢ PHẢI TRẢ	1.970.679,1	2.233.068,3	113,31%	+262.389,2
I. Nợ ngắn hạn	1.003.220,4	1.231.915,0	122,79%	+228.694,6
1. Phải trả người bán ngắn hạn	359.005,1	561.803,2	156,49%	+202.798,1
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.070,9	1.234,4	59,60%	-836,5
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	5.968,5	20.923,0	350,55%	+14.954,5
4. Phải trả người lao động	4.139,9	5.321,3	128,54%	+1.181,4
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14.292,8	13.918,5	97,38%	-374,3
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.220,3	175,8	14,40%	-1.044,5
7. Phải trả ngắn hạn khác	7.918,5	5.869,3	74,12%	-2.049,2
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	593.015,8	615.152,9	103,73%	+22.137,1
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	14.089,7	6.959,9	49,39%	-7.129,8
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.498,9	556,7	37,14%	-942,2
II. Nợ dài hạn	967.458,7	1.001.153,3	103,48%	+33.694,5

Chỉ tiêu	Tại thời điểm 31/12/2023	Tại thời điểm 31/12/2024	Tỷ lệ (%)	Chênh lệch (+; -)
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	0	0	0	0
2. Phải trả dài hạn khác	859.263,0	865.592,0	100,74%	+6.329,0
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	82.209,2	133.898,6	162,87%	+51.689,4
4. Dự phòng phải trả dài hạn	25.986,5	1.662,6	6,39%	-24.323,9

Tình hình tài chính công ty trong năm 2024 cơ bản đảm bảo ổn định, mặc dù có những thời điểm gặp khó khăn, hoạt động nghiệp vụ tài chính kế toán tích cực, chủ động, có hiệu quả đã góp phần vào kết quả hoạt động chung của công ty trong năm 2024.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty luôn bám sát định hướng của Đảng, Chính phủ, Ngành, Tập đoàn VNPT về phát triển về hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin, truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình, chiến lược VNPT4.0, chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, quan trọng nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Chú trọng công tác quản trị rủi ro, quản trị chất lượng sản phẩm. Định kỳ đánh giá nội bộ về hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Chứng nhận hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2015; Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn, sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS18001:2007. Công tác phòng cháy chữa cháy cũng được quan tâm đúng mức, phù hợp.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2025:

I/ Mục tiêu phát triển: Mục tiêu quan trọng nhất trong năm 2025 là cố gắng phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua. Để thực hiện mục tiêu này Ban Lãnh đạo công ty đã đưa ra các giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025 ngay từ đầu năm, trong đó tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II/ Quan điểm phát triển: Phát triển bền vững, công nghệ hiện đại, chuyên môn hóa hiện đại hóa công nghệ sản xuất; Chú trọng phát triển ngành nghề sản xuất kinh doanh chính, sản phẩm trọng điểm; Tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, nâng cao hơn nữa giá trị gia tăng của sản phẩm; Nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường trong khu vực và trên thế giới; Phát triển thêm một số ngành nghề phân phối sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng khác;

III/ Định hướng các nhiệm vụ và giải pháp:

Trên cơ sở kết quả thực hiện năm 2024, đánh giá, phân tích, rút kinh nghiệm, định hướng phát triển và giải pháp thực hiện nhiệm vụ năm 2025 của Tập đoàn VNPT, Công ty cổ phần Thiết bị Bưu điện sẽ thúc đẩy, đổi mới nhận thức, tư duy của tập thể lao động trong toàn công ty về định hướng phát triển trong giai đoạn mới, từng bước áp dụng công nghệ, mô hình quản trị hiện đại trong quản trị điều hành hoạt động SXKD, tiếp tục kiên trì, có giải pháp cụ thể để dịch chuyển theo chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT trong các mảng công việc, lĩnh vực về:

(1) Nâng cao công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp

(2) Đầu tư, nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đề tài, nhiệm vụ khoa học công nghệ. Cụ thể tiếp tục tối ưu hoá sản phẩm cốt lõi của công ty từ công nghệ đến chất lượng. Tập trung nguồn lực cho các sản phẩm đáp ứng hạ tầng viễn thông trong đó ưu tiên hạ tầng 5G và chuyển đổi số quốc gia

(3) Đổi mới công tác kinh doanh và phát triển thị trường. Tăng cường nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, phát triển thị trường truyền thống và mở rộng và tăng doanh thu tại các thị trường tiềm năng như Viettel, EVN, FPT, CMC.

(4) Đổi mới, nâng cao công tác quản trị về tài chính kế toán. Tối ưu nguồn lực, tối ưu sử dụng vốn, tối ưu cắt giảm các chi phí. Sử dụng nguồn lực thực sự hiệu quả. Cụ thể tăng cường công tác quản trị tài chính kế toán trên các lĩnh vực: dòng tiền, công nợ, hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu, chi phí tạm ứng, thanh quyết toán các dự án, tăng cường giám sát kiểm tra nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động kiểm tra

(5) Nâng cao công tác tổ chức, nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, thu hút trọng dụng nhân tài, mục tiêu ít nhất mỗi lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của công ty phải có từ 1 đến 2 chuyên gia, sắp xếp theo hướng hiện đại, tinh giảm, linh hoạt và tối ưu việc sử dụng nguồn nhân lực;

(6) Tăng cường, đẩy mạnh công tác lập kế hoạch, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nội địa hóa sản phẩm, nâng cao năng suất lao động, giám sát, kiểm tra chất lượng sản phẩm.

(7) Đầu tư máy móc thiết bị... đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh và định hướng sản phẩm công nghệ mới.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không có

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty năm 2024:

Năm 2024, với bối cảnh thế giới, khu vực diễn biến nhanh, phức tạp; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, xung đột quân sự xảy ra tại nhiều nơi; kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại, thiếu vững chắc. Biến đổi khí hậu diễn biến bất thường, nghiêm trọng hơn. Các thách thức an ninh phi truyền thống: an ninh năng lượng, lương thực, an ninh mạng... ngày càng phức tạp, tác động trực tiếp, đa chiều đến phát triển của nhiều quốc gia.

Ở trong nước, chính trị, xã hội cơ bản ổn định, tiềm lực quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững. Tuy nhiên,

nền kinh tế đang trong quá trình chuyển đổi, độ mở lớn nhưng quy mô còn khiêm tốn, khả năng cạnh tranh, sức chống chịu trước các cú sốc bên ngoài còn hạn chế; đồng thời, phải dành thời gian, nguồn lực để khắc phục những hạn chế, bất cập nội tại, tồn đọng kéo dài nhiều năm và giải quyết những vấn đề đột xuất, phát sinh

Mặc dù vậy, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng được thúc đẩy, các cân đối lớn được bảo đảm và có thặng dư cao. Tốc độ tăng GDP quý IV ước 7,55%, cả năm tăng 7,09% so với năm 2023, nâng quy mô nền kinh tế đạt khoảng 476,3 tỷ đô la Mỹ (USD), đứng thứ 33 thế giới; thu nhập bình quân đầu người đạt 4.700 USD. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm tăng 3,63%, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu Quốc hội giao trong khi đã thực hiện tăng lương, điều chỉnh giá điện, dịch vụ y tế, giáo dục. Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định; mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giảm so với năm 2023; tăng trưởng tín dụng năm 2024 đạt khoảng 15,08%, vượt mục tiêu đề ra. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 786,29 tỷ USD, tăng 15,4% so với năm 2023; xuất siêu năm thứ 9 liên tiếp ở mức 24,77 tỷ USD. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) khoảng 38,23 tỷ USD, thuộc nhóm 15 nước đang phát triển thu hút FDI lớn nhất thế giới; vốn FDI thực hiện khoảng 25,35 tỷ USD, tăng 9,4% so với năm 2023, là mức thực hiện cao nhất từ trước đến nay trong bối cảnh đầu tư toàn cầu sụt giảm. Các ngành, lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế tăng trưởng tích cực. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 8,32%, trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,83%, là động lực quan trọng, dẫn dắt tăng trưởng chung. Khu vực dịch vụ duy trì đà tăng cao; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 9%.

Trong năm 2024, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức, chi phí quản lý doanh nghiệp, các chi phí liên quan vẫn có xu hướng tăng, mặc dù doanh thu đạt vượt kế hoạch đề ra nhưng hiệu quả lợi nhuận đạt rất thấp, hàng tồn kho vẫn cao, chi phí thuế do lãi vay vượt, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Trước tình hình đó, Công ty vẫn kiên trì bám sát thực hiện mục tiêu, tuy nhiên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 không đạt được như kế hoạch lợi nhuận đã đề ra, kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện năm 2023 (đồng)	Kết quả thực hiện năm 2024 (đồng)	Tỷ lệ TH 2024/TH 2023 (%)
1	Tổng doanh thu	1.157.718.483.295	1.618.372.119.969	139,79%
2	Lợi nhuận sau thuế (Hợp nhất BCTC)	2.613.478.462	3.359.281.176	128,54%
3	Cổ tức	1%	1,3% (dự kiến)	130%

Năm 2024 là một năm có nhiều khó khăn, thách thức, tuy vậy Hội đồng quản trị tiếp tục bám sát định hướng chiến lược VNPT4.0, chiến lược chuyển đổi số của Tập đoàn VNPT, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty, và có những chủ trương mới phù hợp với từng giai đoạn.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

A. Hội đồng quản trị:

1) Thành viên và cơ cấu của HĐQT tại thời điểm 31/12/2024:

T	Họ và tên	Chức danh	Cổ phần	Số cổ phần	Tỷ lệ cổ phần
---	-----------	-----------	---------	------------	---------------

T			cá nhân sở hữu	có quyền tham gia biểu quyết	sở hữu/ Số CP Lưu hành
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	203.323	203.323	1,046%
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	0	0	0%
3	Dương Trung Lợi	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	2.381.772	2.381.772	12,26%
4	Nguyễn Hồng Tiến	TV HĐQT	32	32	0,00%
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	23.391	23.391	0,12%
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	4.393	4.393	0,02%
7	Phạm Cảnh Huy	TV độc lập HĐQT	0	0	0%
	Cộng		2.612.911	2.612.911	13,45%

2) Các tiêu bản thuộc HĐQT: Không có.

3) Hoạt động của Hội đồng quản trị

3.1. Nhân sự HĐQT năm 2024:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lương Tuấn Phương	Thành viên HĐQT
3	Ông Nguyễn Tiến Hùng	Thành viên HĐQT
4	Ông Lê Huy Đồng	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Cảnh Huy	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Hồng Tiến	Thành viên HĐQT
7	Ông Dương Trung Lợi	Thành viên HĐQT

3.2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT năm 2024

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày văn bản	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	BB số: 67/BB-HĐQT	21/03/2024	Thông qua các nội dung trình ĐHCĐ TN 2024	100%
2	BB số: 68/BB-HĐQT	21/03/2024	Gia hạn thời gian cử người đại diện của Postef tại công ty LVCC	100%

3	BB số: 69/BB-HĐQT	21/03/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	100%
4	BB số: 160/BB-HĐQT	14/06/2024	Thông qua báo cáo sơ kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2024	100%
5	BB số: 161/BB-HĐQT	14/06/2024	Thông qua ngày chốt DSCĐ để trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	100%
6	BB số: 162/BB-HĐQT	14/06/2024	Cử thay thế người đại diện của Postef tại công ty PDE (công ty con 100% vốn Postef)	100%
7	BB số: 163/BB-HĐQT	14/06/2024	Cử bổ sung người đại diện, điều chỉnh tỷ lệ cơ cấu đại diện phần vốn góp của Postef tại công ty LVCC	100%
8	BB số: 164/BB-HĐQT	14/06/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hà Nội	100%
9	BB số: 215/BB-HĐQT	25/07/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) – Chi nhánh Sở giao dịch	100%
10	BB số: 216/BB-HĐQT	25/07/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	100%
11	BB số: 320/BB-HĐQT	27/09/2024	Thông qua báo cáo sơ kết hoạt động 9 tháng đầu năm 2024, triển khai kế hoạch quý 4/2024	100%
12	BB số: 415/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua báo cáo sơ kết hoạt động quý 4/2024, dự kiến kết quả thực hiện năm 2024	100%
13	BB số: 416/BB-HĐQT	27/12/2024	Hạch toán điều chỉnh chi phí đền bù, GPMB khi Nhà nước thu hồi đất tại Lim - Tiên Du - Bắc Ninh theo quyết định của UBND huyện Tiên Du	100%
14	BB số: 417/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình năm 2025	100%
15	BB số: 418/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội năm 2025	100%
16	BB số: 419/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Điện Biên Phủ năm 2025	100%
17	BB số: 420/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch năm 2025	100%
18	BB số: 421/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch năm 2025	100%

19	BB số: 422/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch năm 2025	100%
20	BB số: 423/BB-HĐQT	27/12/2024	Thông qua hạn mức tín dụng định kỳ tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Thành năm 2025	100%

3.3. Báo cáo về thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2024:

- Thù lao năm 2024 của HĐQT & BKS thực hiện theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và kết quả thực hiện năm 2024, thù lao cho từng thành viên được quyết toán theo nguyên tắc như sau: Căn cứ vào nhiệm vụ thực tế thực hiện của từng thành viên và mức độ đóng góp vào sự hoàn thành kế hoạch của Công ty.

4) *Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập*: Theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, quy chế quản trị công ty, các nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5) Đào tạo về quản trị Công ty:

TT	Họ và tên	Chức danh	Chương trình đào tạo
1	Trần Hải Vân	Chủ tịch HĐQT	Các thành viên HĐQT đều đã trải qua các lớp đào tạo, bồi dưỡng về quản trị công ty trước đây. Chủ tịch HĐQT được đào tạo về chuyên đổi số trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số Doanh nghiệp do tập đoàn VNPT tổ chức. Công ty đã mời đơn vị chuyên đào tạo về chuyển đổi số tổ chức lớp học đào tạo chuyên đổi số cho các thành viên HĐQT, Ban TGD và các cán bộ chủ chốt của Công ty, trong đó có nội dung quản trị công ty trong chuyển đổi số.
2	Lương Tuấn Phương	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
3	Dương Trung Lợi	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
4	Nguyễn Hồng Tiến	TV HĐQT	
5	Nguyễn Tiến Hùng	TV HĐQT	
6	Lê Huy Đồng	TV HĐQT (Không tham gia điều hành)	
7	Phạm Cảnh Huy	TV độc lập HĐQT	

B. Ban kiểm soát:

1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2024:

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	
			Số cổ phần	Tỷ lệ CP nắm giữ/Số CP lưu hành (%)
1	Trần Thị Hòa	Trưởng BKS	28.872	0,149%
2	Vũ Hoàng Công	Thành viên BKS	0	0,0%
3	Vương Toàn Dũng	Thành viên BKS	4.140	0,02%

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2024 (BKS) đã tổ chức 03 phiên họp thông qua kết quả thẩm định báo cáo tài chính, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty, rà soát hệ thống văn bản quản lý nội bộ của Công ty. Việc tổ chức các cuộc họp và ban hành văn bản của Ban kiểm soát đã thực hiện theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của BKS. Công tác giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2024 được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ của Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thiết bị Bưu điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã kiểm toán được công bố thông tin theo đúng quy định về chứng khoán và trên website của Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN (b/c);
- Sở GD&ĐT (CIMS) (b/c);
- HĐQT;
- BKS;
- Ban TGD;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Hải Vân